TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *********	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *********
Số: 172/2018/QĐST - HNGĐ	*Chương Mỹ, ngày 30 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2018/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị **NTT**, sinh năm 1976

HKTT và cư trú: Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **HVĐ**, sinh năm 1975

HKTT và cư trú: xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **20** tháng 7 năm **2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **20** tháng **7** năm **2018** là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **NTT** và anh **HVĐ.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị **NTT** và anh **HVĐ** có 02 con chung là HTTT1 sinh ngày 11/9/1997 và HTT2 sinh ngày 20/4/2000 đều đã trưởng thành nên không giải quyết.

2.2. Về con riêng: Chị NTT có **01** con riêng là cháu **NTT3**, sinh ngày **01/02/2012**. Giao cháu NTT3 cho chị NTT nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NTT3 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi cháu **NTT3:** Không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung; công nợ chung; công sức: Không xem xét.

2.4. Về Án phí: Chị NTT tự nguyện nộp **150.000** đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự về phần ly hôn. Chị NTT đã nộp **300.000** đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí *(theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/00034921 ngày 12 tháng 7 năm 2018)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ. Hoàn trả lại chị NTT **150.000** đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Long